

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 897 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế tại văn bản số 232/VXSPYT ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Trại chăn nuôi Suối Dầu thuộc Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 39/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Công văn số 77/STNMT-CCBVMT ngày 03 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế, địa chỉ tại số 09

đường Pasteur, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trại chăn nuôi Suối Dầu thuộc Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế” tại xã Suối Tân và Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trại chăn nuôi Suối Dầu thuộc Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Suối Tân và Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định thành lập số 621/QĐ-TTg ngày 18/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Mã số thuế: 4200388789.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hoạt động sản xuất vắc xin cúm, huyết thanh thô, chăn nuôi động vật thí nghiệm và dịch vụ tiêm vắc xin.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Phạm vi thực hiện: diện tích 1.119.114,5 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Công suất
1	Vắc xin cúm	Liều/năm	500.000 - 1.000.000
2	Huyết thanh thô	lít/năm	15.000
3	Chăn nuôi gà đẻ trứng phục vụ sản xuất vắc xin	con/năm	28.000
4	Chăn nuôi ngựa	con/năm	350
5	Chăn nuôi thỏ	con/năm	350
6	Chăn nuôi chuột lang	con/năm	1.800
7	Chăn nuôi chuột nhắt	con/năm	15.000

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Công suất
8	Chăn nuôi khi đuôi dài và khi vàng	con/năm	2.000
9	Ủ phân chuồng	Tấn/năm	1.500
10	Dịch vụ tiêm vắc xin các loại (gồm 36 loại)	Mũi/năm	22.000

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở có trách nhiệm công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ sở hoặc tại trụ sở UBND xã Suối Tân và Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

2.5. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Cam Lâm, UBND xã Suối Tân và UBND xã Suối Cát nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Cát và xã Suối Tân;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP + TL.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nước sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của 13 khu vệ sinh với tổng lưu lượng khoảng 5 m³/ngày được thu gom xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, trám đáy dẫn vào 3 ao sinh học lót bạt HDPE để chống thấm, trong ao thả bèo, không xả thải ra môi trường.

1.2. Nước thải sản xuất:

- Nguồn số 1: Nước thải sản xuất phát sinh khu nhà vắt xin cúm.
- Nguồn số 2: Nước thải từ vệ sinh chuồng trại, nước tiểu của ngựa tại khu nhà nuôi ngựa, khu nhà nuôi ngựa cách ly và nước thải từ khu nhà ủ phân.
- Nguồn số 3: Nước thải từ vệ sinh chuồng trại và nước tiểu của thỏ, chuột lang, chuột nhắt tại khu nhà nuôi thỏ, chuột lang, chuột nhắt và nước thải từ vệ sinh khu nhà nuôi gà.
- Nguồn số 4: Nước thải từ vệ sinh chuồng trại, nước tiểu của khỉ và nước thải từ khu nhà vệ sinh tại khu nhà nuôi khỉ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: các ao sinh học thả bèo nằm trong phạm vi cơ sở tại xã Suối Cát và xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải: thuộc xã Suối Tân và xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15' múi chiếu 3⁰)

- Dòng số 1 (Nguồn số 1): X (m) = 1346465, Y (m) = 588935;
- Dòng số 2 (Nguồn số 2): X (m) = 1346192, Y (m) = 589185;
- Dòng số 3 (Nguồn số 3): X (m) = 1346753, Y (m) = 588820;
- Dòng số 4 (Nguồn số 4): X (m) = 1345974, Y (m) = 588929.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Dòng số 1: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 2,4 m³/ngày đêm.
- Dòng số 2: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 38 m³/ngày đêm.

- Dòng số 3: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 10 m³/ngày đêm.

- Dòng số 4: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 16 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể như sau:

- Chất lượng nước thải Dòng số 1 phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K=1,2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	TSS	mg/l	120		
5	Sunfua	mg/l	4,8		
6	Amoni	mg/l	12		
7	Nitrat	mg/l	60		
8	Phosphat	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

- Chất lượng Dòng nước thải số 2, 3, 4 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, K_p = 0,6, K_f = 1,3) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	pH		5,5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	BOD ₅	mg/l	78		
3	COD	mg/l	234		
4	TSS	mg/l	117		
5	Tổng N	mg/l	117		
6	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Nước sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt của 13 khu vệ sinh được thu gom xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, trầm đáy sau đó theo đường ống dẫn vào 3 ao sinh học được lót bạt HDPE để chống thấm, thả bèo (có thể tích 150 m³, 150 m³ và 6m³).

- Nước thải sinh hoạt của 01 nhà vệ sinh tại khu nuôi khỉ sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 16 m³/ngày đêm để xử lý.

1.1.2. Nước thải sản xuất:

- Nguồn số 1 được thu gom qua đường ống về khu hệ thống xử lý nước thải công suất 2,4 m³/ngày đêm để xử lý sau đó dẫn về ao sinh học thể tích 150m³.

- Nguồn số 2 được thu gom qua các đường ống về hố thu và bơm về khu hệ thống xử lý nước thải công suất 38 m³/ngày đêm để xử lý sau đó dẫn về ao sinh học số 1 thể tích 750m³.

- Nguồn số 3: Nước thải khu nhà nuôi gà được thu gom theo đường ống về 04 hầm bê tông, trầm đáy cùng với nước thải khu nhà nuôi thỏ, chuột lang và chuột nhắt được thu gom theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm để xử lý sau đó dẫn về ao sinh học số 2 thể tích 450m³.

- Nguồn số 4 được thu gom theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải công suất 16 m³/ngày đêm để xử lý sau đó dẫn về ao sinh học số 3 thể tích 180m³.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải khu nhà Vắc xin cúm

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải → Bể điều hòa → Bể khử trùng → Bể phản ứng → Cột lọc Cartridge → Cột lọc than → Ao sinh học.

- Công suất thiết kế: $2,4 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải khu nhà nuôi ngựa, khu nhà nuôi ngựa cách ly và khu nhà ủ phân:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải → Hồ ga → Hồ lắng → Bể UASB → Hồ lọc đa tầng 1 → Bể thông khí → Hồ sinh học 1, 2 → Hồ lọc đa tầng 2 → Ao sinh học.

- Công suất thiết kế: $38 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải khu nhà nuôi gà, thỏ và chuột

Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải → Hồ lắng → Bể UASB → Hồ lọc đa tầng 1 → Hồ sinh học 1, 2 → Hồ lọc đa tầng 2 → Ao sinh học.

- Công suất thiết kế: $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.4. Công trình, thiết bị xử lý nước thải khu nhà nuôi khi

Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải → Hồ tách phân → Hồ thu gom → Bể UASB → Hồ sinh học MBBR → Hồ sinh học → Hồ lọc đa tầng → Ao sinh học.

- Công suất thiết kế: $16 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hướng dẫn, đào tạo nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra;

- Vận hành đúng quy trình, định kỳ bảo dưỡng và dự trữ sẵn một số thiết bị thay thế cho hệ thống xử lý nước thải;

- Lập nhật ký theo dõi vận hành hệ thống xử lý nước thải;

- Trường hợp, phát hiện chất lượng nước thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, Chủ cơ sở lưu giữ nước thải tạm thời tại hồ sinh học. Sau khi khắc phục xong sự cố hệ thống xử lý nước thải sẽ bơm nước thải từ hồ sinh học về lại các bể xử lý đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn. Trường hợp phải khắc phục sự cố trong thời gian dài sẽ dừng hoạt động phát sinh nước thải để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng (kể từ sau khi được cấp giấy phép môi trường).

2.2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 2,4 m³/ngày đêm;
- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 38 m³/ngày đêm;
- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 10 m³/ngày đêm;
- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 16 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 2,4 m³/ngày đêm
+ Nước thải đầu ra: sau cột lọc than.
- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 38 m³/ngày đêm
+ Nước thải đầu vào: Hồ lắng hợp vệ sinh.
+ Nước thải đầu ra: Hồ lọc đa tầng 2.
- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 10 m³/ngày đêm
+ Nước thải đầu vào: Hồ lắng hợp vệ sinh.
+ Nước thải đầu ra: Hồ lọc đa tầng 2.
- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 16 m³/ngày đêm
+ Nước thải đầu vào: Hồ tách phân.
+ Nước thải đầu ra: Hồ lọc đa tầng.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 2,4 m³/ngày đêm: Thực hiện quan trắc chất thải ít nhất 01 mẫu đơn (01 mẫu chất thải đầu ra).
- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 38 m³/ngày đêm, 10 m³/ngày

đêm và 16 m³/ngày đêm: Thực hiện quan trắc chất thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...~~89~~.../GPMT-UBND ngày ..~~08~~... tháng H...
năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	140
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	50
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	60
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	13 01 01	10
1.4	Chất thải giải phẫu động vật thí nghiệm	13 01 01	20
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm		200
2.1	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	13 01 02	10
2.2	Bóng đèn thải bỏ	16 01 06	40
2.3	Các loại dầu mỡ	16 01 08	20
2.4	Pin thải bỏ	16 01 12	5
2.5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	20
2.6	Bao bì, giẻ lau dính dầu thải	18 02 01	5
2.7	Chất thải là Vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 04	100
	Tổng cộng		340

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải (KS)	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải từ sản xuất vắc xin cúm	12 06 05	50
	Tổng cộng		50

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải rắn công nghiệp thông thường	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì, giấy báo các loại...	9.500
2	Bùn thải từ hầm tự hoại	5.000
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi	300
	Tổng cộng	14.800

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 0,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng bằng nhựa, có nắp đậy.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại lây nhiễm: diện tích 10 m².
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm: diện tích 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Có mái che, tường bao, nền chống thấm, có dán biển cảnh báo, có trang bị các thiết bị, dụng cụ và vật liệu phòng cháy, chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn thông thường được thu gom cho mục đích tái chế: lưu chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy tại khu vực kho chứa có diện tích 10m², có mái che, tường bao, nền chống thấm.

- Bùn thải lưu chứa tại ngăn chứa của bể tự hoại, bùn thải của hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 3**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 891...../GPMT-UBND ngày 08. tháng 4...
năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại 13 khu vệ sinh của cơ sở về ao sinh học lót bạt HDPE, thả bèo, không xả thải ra môi trường theo cam kết của Chủ cơ sở. Thời gian hoàn thành trong quý II/2025.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. 